

Sample ID: 250526074

BN: 250526074

Page: 1 / 1

ANALYTICAL RESULTS

Sample name: CÀ PHÊ TRỨNG HOÀ TAN HÀ NỘI



THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	Trên 16g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	69.4	Kcal	3.5
Chất béo (Total fat)	2.14	g	3.8
Carbohydrat (Carbohydrate)	11.8	g	3.6
Đường tổng số (Total Sugars)	9.63	g	-
Chất đạm (Protein)	0.74	g	1.5
Natri (Sodium)	84.2	mg	4.2
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient Reference Values-NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng			

Bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo đối với mẫu thử trên
The nutrition facts are provided only as a reference for the sample encoded above

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS**



VILAS 357

BN: 250526074

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng / Client name: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI UFO**

Địa chỉ / Address: Tầng 1, Tòa nhà số 109-111, Đường 08, KDC Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 250526074
Tên mẫu/ Name of Sample : **CÀ PHÊ TRÚNG HOÀ TAN HÀ NỘI**
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín
Nền mẫu / Matrix : Cà phê
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 26 / 05 / 2025
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 26 / 05 / 2025 - 31 / 05 / 2025
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 31 / 05 / 2025

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Chất béo (Total Fat)	13.4	g/100g		HD.TN.023: 2017 (Ref. AOAC 996.06) (*)
Caffeine (Tính trên chất khô)	0.17	g/100g		HD.TN.057: 2018 (Ref: Agric Food Chem, 45 (1997) 3973 – 3975) (*)
Carbohydrate (Không bao gồm Xơ)	73.7	g/100g		Calculated Value (FAO, Food&Nutrition P. 77, 2003)
Độ ẩm (Moisture content) (Sấy chân không ở 70°C)	2.73	g/100g		HD.TN.047: 2017 (*)
Đường tổng số (Total Sugars) (Tính theo Saccharose)	60.2	g/100g		HD.TN.061: 2018 (Ref: EC 152-2009 & TCVN 4594:1988) (*)
Na (Natri) (Sodium)	526	mg/100g		HD.TN.226: 2017 (Ref. AOAC 999.11 & AOAC 993.14) (*)
Năng lượng (Energy)	434	Kcal/100g		Calculated Value (FAO, Food&Nutrition P. 77, 2003)
Chất đạm (Protein) (Nx6.25)	4.64	g/100g		Ref. AOAC 928.08, 2011 (*)
Tro tổng (Ash total) (550°C)	3.56	g/100g		HD.TN.037: 2017 (*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

Giám đốc
Director

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet



MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh